

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 39/2020/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê;
2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 về: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐST-DS, ngày 10 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt (Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt do bị bệnh hiểm nghèo).

2. Bị đơn: Anh Phan Văn H.

Địa chỉ: Thôn NT, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H1.

Địa chỉ: Thôn NT, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện ngày 27/5/2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày:

Ngày 12/6/2018 chị L cho anh H, chị H1 vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có viết *Giấy vay tiền* cùng ngày, thời hạn trả nợ chậm nhất đến ngày 12/12/2018, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng theo quy định của pháp luật, việc vay tiền không cầm cố, thế chấp tài sản. Khi quá hạn trả nợ chị L đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh H, chị H1 không trả nợ. Theo Đơn khởi kiện chị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H và chị H1 phải trả tổng số tiền là 25.797.000 đồng, trong đó nợ

gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền gốc 20.000.000 đồng được tính từ ngày 13/12/2018 đến ngày 27/5/2020 là 01 năm 05 tháng 14 ngày = 529 ngày, với mức lãi là 20%/năm, số tiền lãi được tính là 20.000.000 đồng x 20%/năm x 01 năm 05 tháng 14 ngày = 5.797.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L thừa nhận ngày 02/12/2019, chị H1 có nhờ chị C (Chị C là chị gái anh H) đưa trả cho chị L số tiền 8.000.000 đồng. Ngoài ra chị L cũng trình bày là tại thời điểm lập *Giấy vay tiền* ngày 12/6/2018 chỉ có một mình anh H có mặt và ký tên trong giấy vay tiền, mặc dù tại phần thông tin có ghi tên chị H1 nhưng thực tế chị H1 không có mặt nên chị H1 không ký tên tại mục người vay tiền nên chị L xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện theo hướng chỉ yêu cầu một mình anh H phải trả cho chị L số tiền gốc còn lại là 12.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi của số tiền gốc còn lại kể từ ngày 03/12/2019 cho đến ngày 27/5/2020 là 5 tháng 24 ngày = 174 ngày, với mức lãi là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng. Tiền lãi là 12.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 174 ngày : 30 = 577.680 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 12.577.680 đồng, không yêu cầu chị H1 là vợ anh H phải cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 25/9/2020 chị L có đơn xin xét xử vắng mặt vì chị L hiện nay đang bị bệnh hiểm nghèo (bệnh Ung thư máu), sức khỏe rất yếu, khó khăn cho việc đi lại và phải nhập viện điều trị, không thể biết trước tình hình sức khỏe nên chị L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị trong các phiên tòa xét xử sơ thẩm và các phiên tòa xét xử phúc thẩm (nếu có).

Quá trình giải quyết vụ án anh H, chị H1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vợ chồng anh H, chị H1 đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh H, chị H1. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh H, chị H1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do, mặc dù Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ đầy đủ các thủ tục tố tụng cho bị đơn. Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định anh H đã vay chị L số tiền 20.000.000 đồng, đã trả được 8.000.000 đồng, tính đến nay còn nợ lại 12.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Phan Văn H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 12.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh theo quy định của pháp luật cho nguyên đơn. Đối với chị H1 là vợ anh H, theo giấy vay tiền ngày

12/6/2018 thì chỉ có một mình anh H ký tên tại mục người vay tiền và chị L cũng không yêu cầu chị H1 phải cùng có nghĩa vụ trả nợ nên không buộc chị H1 phải có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

Về án phí, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật, tố tụng dân sự: Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng hợp đồng dân sự về vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng: Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo tham gia phiên tòa, nhưng vợ chồng anh H, chị H1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị L, yêu cầu buộc anh H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 12.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ giấy vay tiền ngày 12/6/2018, lời trình bày của chị L có đủ căn cứ xác định vào ngày 12/6/2018 anh H đã vay tiền của chị L số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả nợ là đến hết ngày 12/12/2018. Khi quá hạn trả nợ, chị L đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh H vẫn chưa trả được, quá trình giải quyết vụ án anh H đã được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy báo tham gia tố tụng, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh H đã không có văn bản nêu ý kiến, không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị L và không hợp tác đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Tuy nhiên, chị H1 có giao nộp 01 giấy viết tay thể hiện việc chị C (chị gái anh H) đã đưa trả giúp cho chị L số tiền 8.000.000 đồng và được chị L thừa nhận. Do vậy, có đủ căn cứ xác định anh H còn nợ lại số tiền 12.000.000 đồng là có thật.

Quá trình giải quyết vụ án chị L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện theo hướng chỉ yêu cầu một mình anh H có nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 12.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là phù hợp với nội dung giấy vay tiền ngày 12/6/2018, thể hiện tại mục người vay tiền chỉ có một mình anh H ký tên. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị L là đúng quy định của pháp luật, do đương sự đã tự nguyện giao kết hợp đồng dân sự về việc vay tiền, nội dung thỏa thuận giữa hai bên không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái

đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên. Đến nay anh H chưa trả nợ cho chị L số tiền nợ còn lại là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay, nên cần buộc anh H phải có nghĩa vụ trả số tiền 12.000.000 đồng cho chị L là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với chị Nguyễn Thị H1 là vợ anh H, khi lập giấy vay tiền chị H1 không có mặt, không ký tên và chị L không yêu cầu chị H1 phải cùng có nghĩa vụ trả nợ nên không buộc chị H1 phải có nghĩa vụ cùng anh H trả nợ là phù hợp.

[2.2] Về lãi suất: Giấy vay tiền ngày 12/6/2018 không ghi thỏa thuận về lãi suất, nhưng anh H đã không trả nợ đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án chị L xin thay đổi yêu cầu theo hướng là chỉ tính tiền lãi của số tiền nợ gốc còn lại là 12.000.000 đồng, lãi tính kể từ ngày 03/12/2019 cho đến ngày 27/5/2020 là 5 tháng 24 ngày = 174 ngày, với mức lãi là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng là đúng quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của chị L, tiền lãi được tính là:

$12.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 174 \text{ ngày} : 30 = 577.680 \text{ đồng}.$

Tổng cộng gốc và lãi là 12.000.000 đồng + 577.680 đồng = 12.577.680 đồng.

[2.3] Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L để buộc anh H phải trả cho chị L tổng số tiền 12.577.680 đồng, trong đó nợ gốc là 12.000.000 đồng và tiền lãi là 577.680 đồng là đúng quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của chị L được chấp nhận toàn bộ, nên buộc anh H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 628.884 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Cần hoàn trả cho chị L số tiền 645.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 244, các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị L.

- Buộc bị đơn anh Phan Văn H có nghĩa vụ trả cho chị Ngô Thị L tổng số tiền 12.577.680 đồng (*mười hai triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm tám mươi đồng*), trong đó nợ gốc là 12.000.000 đồng, tiền lãi là 577.680 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn anh Phan Văn H phải chịu 628.884 đồng (sáu trăm hai mươi tám ngàn tám trăm tám mươi tư đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Ngô Thị L số tiền 645.000 đồng (sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0006585 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THA dân sự huyện Krông Búk;
- Lưu VT, VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Văn Vân

